

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST  
Ngày: 16-01-2025  
V/v tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Quan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.
- Ông Nguyễn Văn Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-KDTM, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH T (gọi tắt: Công ty PN); địa chỉ trụ sở chính: đường PTB, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức D – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu P; địa chỉ: Ấp M, xã HH, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Đức D (theo giấy ủy quyền ngày 19/6/2024); có mặt.

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở chính: đường TQK, phường TĐ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh M – Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024, nguyên đơn Công ty TNHH T và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Lê Hữu P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/7/2020, bên A (bên sử dụng dịch vụ): Công ty TNHH S (gọi tắt: Công ty S) và bên B (bên cung cấp dịch vụ) Công ty TNHH T (gọi tắt: Công ty

Truyền hình PN) ký kết Hợp đồng truyền dẫn và phát sóng số 03/2020/HĐTD/PNC-SKYMART, theo những điều khoản, cụ thể như sau:

1. Công ty Truyền hình PN thực hiện truyền dẫn và phát sóng kênh ĐN9 trên hạ tầng truyền hình cáp trong phạm vi tỉnh Vĩnh Long và hạ tầng truyền hình kỹ thuật số mặt đất K34-UHF trong Khu vực Nam Bộ của Công ty Truyền hình PN.

2. Thời hạn: 15 tháng, kể từ ngày 09/7/2020 đến ngày 08/10/2021.

3. Phí và thanh toán: Phí truyền dẫn là 2.000.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Ngay sau khi ký hợp đồng, bên A thanh toán trước cho bên B 50% giá trị hợp đồng; đến tháng thứ 8 của hợp đồng, bên A thanh toán tiếp 50% giá trị còn lại của hợp đồng cho bên B.

Ngày 04/5/2021, Công ty S và Công ty Truyền hình PN ký kết Phụ lục số 01. Điều chỉnh phí và thanh toán: Kể từ tháng 5/2021, định kỳ trước ngày 05 tây hàng tháng, bên A thanh toán phí truyền dẫn hàng tháng với số tiền 133.333.333 đồng cho bên B.

Ngày 21/7/2021, Công ty S và Công ty Truyền hình PN tiếp tục ký kết Phụ lục số 02. Giảm giá phí truyền dẫn kênh từ tháng 6/2021 đến tháng 9/2021, bên B giảm 30% phí truyền dẫn/tháng, số tiền bên A còn phải thanh toán cho bên B là 93.333.333 đồng. Trong trường hợp chậm thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B tiền phạt chậm thanh toán tính trên số tiền chậm trả, kể từ ngày chậm thanh toán đến ngày thanh toán đầy đủ theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 23/7/2021, Công ty S ban hành Công văn số 0202/SK-CV ngày 23/7/2021 về việc tạm ngừng truyền dẫn sóng kênh ĐN9.

Ngày 21/8/2021, Công ty S ban hành Công văn số 0108/SK-CV về việc gia hạn thời gian tạm ngừng truyền dẫn sóng kênh ĐN9.

Ngày 27/8/2021, Công ty TNHH Truyền hình PN ban hành Công văn số 92/PNC về việc thanh toán phí truyền dẫn phát sóng kênh Skyshop trên hạ tầng Truyền hình cáp Vĩnh Long và K34-UHF Khu vực Nam Bộ đến ngày 25/7/2021.

Công ty Truyền hình PN xuất 14 hóa đơn với số tiền sau giảm giá là 1.611.182.792 đồng. Cụ thể: Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/7/2020: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/8/2020: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/9/2020: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/10/2020: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/11/2020: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/12/2020: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/01/2021: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/02/2021: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/3/2021: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/4/2021: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/5/2021: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/6/2021: 133.333.333 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 27/7/2021: 40.000.000 đồng, hóa đơn giá trị gia tăng ngày 27/7/2021: 51.182.796 đồng.

Công ty S đã thanh toán hình thức chuyển khoản với số tiền 1.504.666.663 đồng. Cụ thể: Ngày 13/7/2020: 1.000.000.000 đồng, ngày 09/4/2021: 266.700.000

đồng, ngày 11/5/2021: 133.333.333 đồng, ngày 12/7/2021: 66.633.330 đồng, ngày 20/9/2022: 10.000.000 đồng, ngày 11/10/2022: 5.000.000 đồng, ngày 02/12/2022: 10.000.000 đồng, ngày 18/01/2023: 10.000.000 đồng, ngày 25/5/2023: 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 106.516.129 đồng.

Công ty Truyền hình PN gửi cho Công ty S 06 văn bản đề nghị về việc thanh toán phí truyền dẫn phát sóng và thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty S không có bất kỳ thông tin phản hồi và cũng không có thiện chí giải quyết. Công ty Truyền hình PN yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S phải thanh toán cho Công ty Truyền hình PN phí truyền dẫn và phát sóng với số tiền là 106.516.129 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo lãi suất là 1,66%/tháng. Cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc còn phải thanh toán là 106.516.129 đồng, tiền lãi năm 2021 là 14.393.806 đồng, tiền lãi năm 2022 là 21.341.710 đồng, tiền lãi năm 2023 và 04 tháng của năm 2024 là 24.903.748 đồng, tổng số tiền là 167.155.393 đồng.

*Đối với bị đơn Công ty S: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại; hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chọn Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long là nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu: Vụ án được giải quyết còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty Truyền hình PN yêu cầu bị đơn Công ty S thanh toán số tiền nợ gốc 106.516.129 đồng của Hợp đồng truyền dẫn và phát sóng số 03/2020/HDTD/PNC-SKYMART ngày 09/7/2020, phụ lục số 01 ngày 04/5/2021 và phụ lục số 02 ngày 21/7/2021.

Tổng công nợ mà Công ty S phải thanh toán cho Công ty Truyền hình PN là 106.516.129 đồng. Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Truyền hình PN theo đúng thỏa thuận. Do đó, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Công ty Truyền hình PN là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc Công ty St có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Truyền hình PN số tiền nợ gốc là 106.516.129 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty Truyền hình PN yêu cầu bị đơn Công ty St trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Bị đơn Công ty S chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 nên được chấp nhận. Tiền lãi do chậm thanh toán được tính như sau:

Năm 2021:  $144.516.129 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 06 \text{ tháng}$  (từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021) = 14.393.806 đồng.

Năm 2022:  $144.516.129 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 08 \text{ tháng}$  (từ tháng 01/2022 đến tháng 8/2022) = 19.191.742 đồng. Tháng 11/2022:  $129.516.129 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 01 \text{ tháng}$  = 2.149.968 đồng.

Năm 2023:  $109.516.129 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 03 \text{ tháng}$  (từ tháng 02/2023 đến tháng 4/2023) = 5.453.903 đồng.

Từ tháng 6/2023 đến tháng 4/2024:  $106.516.129 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 11 \text{ tháng}$  = 19.449.845 đồng.

Tổng số tiền lãi chậm thanh toán là 60.639.264 đồng (14.393.806 đồng + 19.191.742 đồng + 2.149.968 đồng + 5.453.903 đồng + 19.449.845 đồng).

[4] Công ty Skymart có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Truyền hình Phương Nam tổng số tiền là 167.155.393 đồng.

[5] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 167.155.393 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 8.358.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 74, 87, 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ vào các Điều 513, 515, 518, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuyên xử:

*1. Về nội dung:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Truyền hình PN

Buộc Công ty TNHH S thanh toán cho Công ty TNHH Truyền hình PN tổng số tiền là 167.155.393 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 106.516.129 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 60.639.264 đồng.

*2. Về án phí:*

Buộc Công ty TNHH S phải chịu 8.358.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH Truyền hình PN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty TNHH Truyền hình PN 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007243 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

*3. Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

*4. Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Quan**